

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2025
V/v không công nhận là vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Dung

Ông Vũ Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc không công nhận là vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Bạch T; địa chỉ: Ngõ 3 Tổ dân phố 7, phường L, quận A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Trần Trọng Đ; địa chỉ: Ngõ 3 Tổ dân phố 7, phường L, quận A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 3 năm 2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị Bạch T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bạch T và ông Trần Trọng Đ kết hôn với nhau do tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào ngày 06/3/1987 nhưng không đăng ký kết hôn, đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Sau cưới vợ chồng chung sống tại Tổ dân phố 1 đến năm 2000 thì chuyển về Tổ dân phố 7, thị trấn An Dương, huyện An Dương (nay là Tổ dân phố 7, phường Lê Lợi, quận An Dương) sống. Cuộc sống hoà thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp. Nay

do cuộc sống vợ chồng không được cải thiện, tình cảm không còn, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Bà T ông Đ có 02 con chung là Trọng Bích N sinh năm 1989 và Trần Trọng T sinh năm 1992. Các con đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Trong giấy khai sinh của con Trọng Bích N bị ghi nhầm họ bố là do thời điểm sinh con ông bà nhờ người đi khai sinh hộ nhưng chưa làm thủ tục cải chính cho con.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

Lời khai tại bản tự khai, bị đơn Trần Trọng Đ trình bày: Thống nhất toàn bộ lời trình bày của bà T về hôn nhân, con chung cũng như việc ghi nhầm họ bố trong giấy khai sinh của con Trọng Bích N. Ông Đ đồng ý ly hôn bà T, không yêu cầu giải quyết về nuôi con chung và tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Việc vắng mặt của đương sự: Các bên đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Việc tham gia của Viện kiểm sát: Vụ án này Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, không có đối tượng thuộc diện Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của BLTTDS nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án không có sự tham gia của Viện kiểm sát.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trong đơn khởi kiện bà T yêu cầu được ly hôn ông Đ. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ hai bên giao nộp; xác định được các bên tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 06/3/1987 đến nay có đủ điều kiện kết hôn theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn nên được xác định là hôn nhân không hợp pháp. Cần áp dụng khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/NQ-2000/QH-10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết không công nhận các bên là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà T và ông Đ có hai con chung như trình bày ở trên. Các con đều sinh ra trong thời kì hai bên chung sống nên xác định đây là con chung của các bên như đã thừa nhận. Các con đều đã trưởng thành, không bên nào yêu cầu giải quyết nội dung nào về con chung nên không xét.

[4] Về quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên: Các bên không yêu cầu nên không giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bạch T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 17 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/NQ-2000/QH-10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên bố:

Không công nhận bà Nguyễn Thị Bạch T và ông Trần Trọng Đ là vợ chồng.

Về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ và con: Bà Nguyễn Thị Bạch T và ông Trần Trọng Đ không yêu cầu nên không giải quyết.

Về quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên: Bà Nguyễn Thị Bạch T và ông Trần Trọng Đ không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bạch T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận An Dương, thành phố Hải Phòng biên lai số 8726 ngày 10/3/2025. Bà Nguyễn Thị Bạch T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận An Dương;
- Chi cục THADS quận An Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng

